

**KẾ HOẠCH**  
**Thu - Chi năm học 2024 - 2025**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí và chi phí học tập, giá dịch vụ trong giáo dục đào tạo; Căn cứ vào Nghị định số 69/2008/NĐ-Cp ngày 30/05/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 192/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng chính phủ ban hành quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 09/2024/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư 36 /2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục và đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ GD&ĐT Qui định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Thủ tướng chính phủ Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng; Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành 1 số điều của bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND, ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành

phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 07 năm 2022 về việc qui định danh mục các khoản thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Hướng dẫn số 03/HD-SGDĐT-TC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT, Sở Tài chính Hải Phòng hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Thực hiện Hướng dẫn liên sở 1044/HDLS-GDĐT-STC ngày 19/08/2024 hướng dẫn thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025; Công văn số 2773/SGDĐT-KHTC ngày 12/9/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 -2025 sau cơn bão số 3 (Yagi);

Thực hiện công văn số 2506/UBND - GDĐT ngày 16/9/2024 của UBND quận Dương Kinh về tăng cường công tác quản lý các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024 -2025 sau cơn bão số 3 (Yagi) ; Công văn số 773/GD&ĐT ngày 29 /08/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận Dương Kinh về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục năm học 2024-2025 trên địa bàn quận Dương Kinh;

Căn cứ vào nhu cầu dạy học, sử dụng cơ sở vật của nhà trường năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào kết quả cuộc họp Hội đồng trường, Chi ủy – Ban giám hiệu, Chi bộ, Ban giám hiệu Hội đồng sư phạm ngày 24/9/2024, Ban đại diện cha mẹ học sinh trường ngày / /2024. Hội nghị họp phụ huynh toàn trường ngày 29/9/2024.

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2024 - 2025. Trường Mầm non Hải Thành xây dựng kế hoạch dự kiến thu chi năm học 2024 - 2025 như sau:

## **A. MỤC ĐÍCH:**

- Thực hiện và sử dụng tốt các khoản thu đóng góp đúng mục đích, có hiệu quả.
- Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng các nguồn thu.
- Thực hiện chủ trương quản lý tốt các khoản thu, chi trong cơ ở giáo dục theo đúng quy định. Đồng thời tăng cường công tác tham mưu phát triển giáo dục, huy động các nguồn lực phát triển giáo dục.
- Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội lành mạnh.
- Huy động sự tham gia của Gia đình, cộng đồng và các nghiệp tổ chức, cá nhân tăng cường cơ sở vật chất nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

## **B. YÊU CẦU:**

Làm tốt công tác tham mưu với địa phương; phổ biến tuyên truyền đầy đủ kịp thời các chính sách, chế độ của nhà nước về các khoản thu đến cha mẹ học sinh.

Thu chi đúng mục đích và quy định và được sự nhất trí, đồng thuận của cha mẹ học sinh.

Công khai, minh bạch, dân chủ, đúng đối tượng, phù hợp thực tế đúng quy định.

## **C. CÁC KHOẢN THU - CHI TRONG NĂM HỌC 2024 - 2025**

### **1. Khoản thu theo quy định: Học phí**

#### ***a. Kế hoạch thu:***

Thực hiện Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025.

- Mức thu: 203.000đ/trẻ/tháng

Đối với trẻ thường trú, tạm trú tại Hải Phòng, nhà trường lập hồ sơ, xin kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND.

- Kế hoạch chi: 100% nộp ngân sách chi lương

**2. Các khoản thu dịch vụ giáo theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng.**

#### **2.1 Trang thiết bị phục vụ bán trú**

Dùng để bổ sung và mua mới, bổ sung các đồ dùng, trang thiết bị phục vụ hoạt động bán trú của các cháu cụ thể:

Thu: Tổng trẻ được giao: 489 trẻ = 115.720.000đ

Trong đó: Trẻ mới: 112 trẻ/năm x 360.000đ/trẻ/năm = 40.320.000đ

Trẻ cũ: 377 trẻ/năm x 200.000đ/trẻ/năm = 75.400.000đ

**Tổng chi: 115.720.000đ**

TT	Nội dung	ĐVT	SL	ĐG	TT
1	Ca inox	Cái	120	32.000	3.840.000
2	Xà phòng ô mô	Gói	162	50.000	8.100.000
3	Vim vệ sinh	Lọ	162	35.000	5.670.000
4	Nước lau sàn	Lọ	162	35.000	5.670.000
5	Nước rửa bát	Can	45	160.000	7.200.000
6	Gang tay cao su: giặt đồ, rửa vệ sinh cho trẻ,...	Đôi	210	27.000	5.670.000
7	Nồi nhôm chứa nước lọc	Chiếc	1	650.000	650.000
8	Lọ lưu thực phẩm	Lọ	20	35.000	700.000
9	Thìa con	Chiếc	98	10.000	980.000
10	Bát inox con	Cái	100	15.000	1.500.000
11	Dao	Cái	4	200.000	800.000
12	Bát inox to	Cái	29	45.000	1.305.000
13	Đĩa Inoc	Cái	120	15.000	1.800.000
14	Khăn bàn ăn	Chiếc	150	10.000	1.500.000
15	Khăn mặt	Chiếc	500	12.000	6.000.000
16	Kem đánh răng	Tuýp	280	10.000	2.800.000
17	Dũa đánh răng	Cái	280	12.000	3.360.000
18	Khăn lau tay treo (cho trẻ lau tay)	Cái	60	26.000	1.560.000
19	Đép đi trong nhà vệ sinh cho trẻ	Đôi	130	20.000	2.600.000
20	Bối lưới, sắt	Cái	97	4.700	455.900
21	Muôi inox	Cái	20	20.000	400.000

22	Thùng rác có nắp đậy	Cái	15	100.000	1.500.000
23	Chậu Inoc	Cái	5	450.000	2.250.000
24	Thảm lau chân cho trẻ	Cái	15	65.000	975.000
25	Gối ngăn (vỏ + ruột)	Cái	420	50.000	21.000.000
26	Khay cơm	Cái	50	60.000	3.000.000
27	Nước rửa tay	Can	9	330.000	2.970.000
28	Giá để dép nhà vệ sinh	cái	40	375.000	15.000.000
29	Siêu nhôm	Cái	15	350.000	5.250.000
30	Xô nhựa	Cái	15	34.500	517.500
31	Chậu nhựa	Cái	17	41.000	697.000
	<b>Cộng</b>				<b>115.720.400đ</b>

## **2.2. Chăm sóc trẻ ngày thứ 7**

- Thu 50.000đ/cháu/1ngày học

- Các khoản chi:

+ 75% chi cho giáo viên giảng dạy và nhân viên

+ 12% chi cho quản lý (10% : 03BGH+KT: 1,5%+TQ: 0,5%)

+ 11% chi phúc lợi cho CBGVNV

+ 2% nộp thuế nhà nước

## **2.3 Hỗ trợ quản lý, nhân viên nấu ăn bán trú**

- Kế hoạch thu: 120.000 đ/ 1 trẻ/1 tháng

- Kế hoạch chi:

+ 83% chi nhân viên nấu ăn

+ 12% chi công tác quản lý ( 10% : 03 đ.c Quản lý; 1,5% Kế toán: 0,5% Thủ quỹ)

+ 3% Quỹ phúc lợi cho CBGVNV

+ 2% nộp thuế

## **2.4 Quản lý trẻ ngoài giờ bán trú**

- Kế hoạch thu: 270.000 đ/ 1 trẻ/1 tháng

- Kế hoạch chi:

- + 75% chi giáo viên trực tiếp trông trưa
- + 12% chi công tác quản lý ( 10% ; 03 BGH và 1,5 Kế toán, 0,5 thủ quỹ).
- + 11% chi quỹ phúc lợi
- + 2% nộp thuế nhà nước

### 2.3. Tiền ăn + Chất đốt: 24.000đ/ngày

\* Chi ăn hằng ngày cho trẻ: 22.000đ/trẻ.

Mẫu giáo: 09h00 sáng uống sữa, 01bữa chính buổi trưa, 02 bữa phụ chiều kèm hoa quả.

Nhà trẻ: 09h00 sáng uống sữa; 01 bữa chính buổi trưa; 02 bữa phụ chiều, kèm hoa quả hoặc sữa chua.

\* Chi chất đốt, bảo dưỡng bếp và đường dẫn gas: 2.000đ/trẻ.

### 2.4. Tiền Dạy trẻ làm quen Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài

- Mức thu: 240.000đ/cháu/tháng.

- Kế hoạch chi:

+ 78% chi trả trung tâm liên kết.

+ 3% chi CSVC

+ 19% chi công tác quản lý, điều hành, nộp thuế theo quy định( 2% nộp thuế, 10% GV, 7% quản lý trong đó chi 5% : 03 BGH còn 0,15% KT, 0,05 %TQ)

### 2.5 Khoản thu theo thỏa thuận với phụ huynh: Tiền điện chi trả điều hòa, nóng lạnh phục vụ bán trú

a) Xác định mức thu:

STT	TÊN ĐỒ DÙNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
<b>I</b>	<b>ĐIỆN</b>				
1	Tổng sử dụng: (lấy tổng số tiền điện chi trong 9 tháng của năm học 2023-2024 chia cho 9 tháng để lấy trung bình)  Tiền điện: Điều hòa: 2000W/h x 6 giờ	Số	4.437	2.036,88	9.037.637

	= 12.000W (12 số) x 32 máy x 26 ngày = 9.984 số điện x 4 tháng/9 tháng.				
2	Bình nóng lạnh 2000W/h x 4 giờ = 8.000W (8 số) x 15 máy x 26 ngày = 3.120 số điện x 5 tháng/9 tháng	Số	1734	2.036,88	3.531.950
3	Bảo dưỡng điều hòa (32 chiếc x 1.080.000đ)/9 tháng	Chiếc	32	200.000	6.400.000
4	Bảo dưỡng bình nóng lạnh (15 chiếc x 945.000đ)/9 tháng	Chiếc	15	105.000	1.575.000
5	Nước máy trẻ dùng	M <sup>3</sup>	449,89	20.636	9.283.930
	<b>Cộng</b>				<b>29.828.517</b>
	Mức thu dự kiến /hs ( 450 học sinh). Thu theo tháng /hs				<b>66.285đ/1 học sinh/1 tháng</b>

**b) Kế hoạch thu theo thỏa thuận:**

Nội dung	Dự kiến số trẻ	Mức thu thỏa thuận	Thành tiền
Thu 1 tháng	450	50.000	22.700.000

**c) Kế hoạch chi:**

- *Kế hoạch chi:* Trả tiền điện, bảo dưỡng, sửa chữa điều hòa, nóng lạnh, nước máy phục vụ trẻ dùng.

Nếu trong năm học khi thực hiện có các vấn đề khách quan phát sinh ngoài kế hoạch sẽ lấy ý kiến của Hội đồng nhà trường để tiến hành điều chỉnh./.

**Nơi nhận**

- Phòng GD-ĐT quận (Đề báo cáo);
- Phòng TC-KH quận (Đề báo cáo);
- Hồ sơ tài chính;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Thị Huân**

